

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC GD&CD 9 – TUẦN 1 HK 2
Bài 12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HÔN NHÂN
(tiết 1)

A/ HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

1/ Các em mở SGK bài 12 tự đọc phần Đặt vấn đề và tự rút ra bài học. Cơ sở nào để có cuộc hôn nhân bền vững?

2/ Đọc một số nội dung cơ bản trong Luật hôn nhân gia đình 2014

- Điều 3. Khoản 1: Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn

- Điều 3, khoản 5: Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn.

- Điều 8. Điều kiện kết hôn

1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này.

2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

3/ Giải thích nội dung bài học

- Khái niệm hôn nhân:

+ Nếu tình bạn là sự liên kết giữa hai hay nhiều người cùng giới hay khác giới trên cơ sở cùng sở thích, thói quen,... thì hôn nhân là sự liên kết **đặc biệt** giữa **1 nam** và **1 nữ** (vì sao lại nhấn mạnh 1 nam và 1 nữ? Trong pháp luật VN chưa có quy định nào về việc thừa nhận giới thứ 3). Sự liên kết đặc biệt của hôn nhân không chỉ ở chỗ 1 nam và 1 nữ mà mỗi liên kết đó còn được pháp luật thừa nhận (mình chứng pháp luật thừa nhận là tờ giấy đăng ký kết hôn).

+ Mục đích của hôn nhân là hướng tới cùng xây dựng 1 gia đình hạnh phúc, chung sống lâu dài. Vì thế, khi kết hôn thì cả nam và nữ phải nghiêm túc, chín chắn và dựa trên tình yêu chân chính, tự nguyện, chia sẻ, tôn trọng nhau để tránh cuộc hôn nhân đó không bền vững.

2/ **Những qui định của pháp luật nước ta về hôn nhân.**

a. **Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam:**

- Có 3 nguyên tắc (các em đọc phần II)

- **Tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.** Đây là điểm khác biệt với hôn nhân trong xã hội phong kiến. Ngày nay nam nữ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, không phải mối quan hệ “chồng chúa vợ tôi” như ngày xưa. Vợ chồng phải chung thủy với nhau.

- **Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, các tôn giáo ; giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo; giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.** Về mặt pháp luật, thì mối quan hệ hôn nhân không phân biệt tôn giáo, dân tộc, quốc gia. Nếu trong đời sống hàng ngày có các quy định về hôn nhân giữa những người khác tôn giáo thì đó là quy định riêng của tôn giáo hoặc quy định của gia đình mà thôi.

b. **Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân:**

* Kết hôn :

- **Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;**

Ví dụ: 1 bạn nữ sinh ngày 1 tháng 2 năm 2000

+ Tính đến ngày 1 tháng 2 năm 2018 bạn nữ đó sinh nhật tròn 18 tuổi. Vậy, ngày 1/2/2018 là **đủ 18 tuổi**

+ Bắt đầu từ ngày 2/ 2/ 2018 là **ngày đầu tiên của tuổi 19.** Từ lúc này được tính là **từ đủ 18 tuổi trở lên**, đủ tuổi ra phường đăng kí kết hôn.

Tương tự, các em tự tính tuổi nam

+ Tại sao nhà nước lại quy định độ tuổi kết hôn nam – nữ là 20 và 18 mà không phải sớm hơn hoặc muộn hơn? Căn cứ vào đặc điểm phát triển tâm sinh lí lứa tuổi của nam và nữ. Thường thì, nam dậy thì muộn hơn nữ, nên phát triển tâm lí cũng có sự chênh lệch, tâm lí nam tuổi 20 tương đương tâm lí nữ tuổi 18.

+ Theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em thì “trẻ em là những người dưới 18 tuổi”. Vậy nên, độ tuổi 18 là độ tuổi tối thiểu được phép kết hôn của nữ. Xét về mặt xã hội, khi các em 18 tuổi, đó là độ tuổi học hết phổ thông, bắt đầu học tập nghề nghiệp (em nào học xong cấp 2 đi học nghề luôn thì lúc đó mới ra nghề đi làm kiếm tiền). Nhà nước khuyến khích nam nữ thanh niên nên kết hôn ở độ tuổi 22 đến 25, lúc đó nam nữ thanh niên có việc làm, suy nghĩ chín chắn hơn tiến tới hôn nhân sẽ tốt hơn.

- **Không vi phạm những điều pháp luật cấm (điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình).** (phần này các em đọc trong SGK, phần tư liệu tham khảo, các trường hợp cấm kết hôn nhé)

B/ NỘI DUNG GHI BÀI

I. Đặt vấn đề (tự đọc SGK)

II. Bài học

1. Thế nào là hôn nhân?

Hôn nhân là :

- Sự liên kết đặc biệt giữa một nam và một nữ trên nguyên tắc, bình đẳng, tự nguyện, được Nhà nước thừa nhận;

- Nhằm chung sống lâu dài và xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc.

2. Những qui định của pháp luật nước ta về hôn nhân.

a. **Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam:**

- Tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
- Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, các tôn giáo ; giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo ; giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.
- Vợ chồng có nghĩa vụ thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

b. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân:

*** Kết hôn:**

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên ;
- Không vi phạm những điều pháp luật cấm (điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình).

*** Quan hệ vợ chồng:**

- Bình đẳng, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt;
- Tôn trọng danh dự, nhân phẩm và nghề nghiệp của nhau.

III/ BÀI TẬP (các em làm bài vào tập. Tuần 2 cô gọi sửa bài)

1. Tảo hôn là gì? Hậu quả của tảo hôn?
2. Vì sao cần nghiêm túc trong tình yêu và hôn nhân?
3. Anh Đ và chị H là con bác, con chú ruột và họ yêu nhau. Gia đình và họ hàng 2 bên khuyên can, ngăn cản. Nhưng họ vẫn kiên quyết lấy nhau vì họ cho rằng họ có quyền tự do lựa chọn, không ai có quyền ngăn cản cả.

Theo em, lí do “tự do lựa chọn” của anh Đ và chị H có đúng không?

4. Những việc làm vi phạm pháp luật về hôn nhân?

IV/ DẶN DÒ

- Các em ôn lại nội dung bài
- Làm bài tập vào vở

HẾT